TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6- THANH HOÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số:21/2025/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 12 - 2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - THANH HÓA

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tống Thị Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Phong, bà Nguyễn Thị Vân Anh
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân (TAND) khu vực 6- Thanh Hóa
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Trường - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở TAND khu vực 6- Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số:79/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 32/2025/QĐST- HNGĐ ngày 01/12/2025 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T - sinh năm 1995
CCCD số 038195037957
Cư trú tại: Tổ dân phố L, phường B, tỉnh Thanh Hóa (có mặt)
Bị đơn: Anh Cao Văn T1, sinh năm 1992
CCCD số 038092008860
Cư trú tại: Tổ dân phố L, phường B, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/9/2025 và bản tự khai nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Vợ chồng chị kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 20/6/2013 tại UBND xã H, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa (nay là phường B, tỉnh Thanh Hóa). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau, tính tình không hợp nhau, không tôn trọng nhau, cuộc sống vợ chồng không hoà thuận, anh T1 thường xuyên đánh đập chị, không quan tâm đến gia đình vợ con. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay và không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Toà án gải quyết cho chị được ly hôn với anh Cao Văn T1.

- Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu đầu tên là Cao Minh T2 (nam) sinh ngày 06/11/2014, cháu thứ hai tên là Cao Minh V (nam) sinh ngày 07/10/2020. Nếu ly hôn chị T có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu Cao Minh T2 còn giao cháu Cao Minh V cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Vợ chồng tự thoả thuận phân chia không đề nghị Toà án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 09/10/2025 bị đơn anh Cao Văn T1 trình bày:

- Về hôn nhân: Vợ chòng anh kết hôn có tìm hiểu tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý, đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Sau khi kết hôn về chung sống với nhau ở tổ dân phố L. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì vợ chồng cãi nhau, vợ chồng không ly thân. Mâu thuẫn vợ chồng hai bên gia đình đều biết, ý kiến của hai bên gia đình là để vợ chồng giải hoà không ly hôn và vợ chồng đang giải hoà với nhau. Nên nguyện vọng của anh là không đồng ý ly hôn.

- Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung là Cao Minh T2 và Cao Minh V hiện giờ cháu đang ở với ông bà nội. Nguyện vọng của anh là không muốn ly hôn còn nếu vợ mà muốn ly hôn anh xin được quyền nuôi con tại vì các cháu ở với ông bà nội từ nhỏ nên nếu cần thiết thì hỏi ý kiến của các cháu.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung và công nợ chung.

Tại biên bản xác minh ngày 24/10/2025 ông Nguyễn Văn T3 trưởng tổ dân phố L, phường B cung cấp: Chị Lê Thị T và anh Cao Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thị xã B năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau này khi hai vợ chồng đi Đài Loan thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân vì sao thì tổ trưởng không nắm rõ, sau này hai vợ chồng về chung sống tại nhà cũng không báo cáo tổ trưởng về mâu thuẫn vợ chồng, vợ chồng cũng không yêu cầu tổ trưởng tổ dân phố hoà giải mâu thuẫn hai bên. Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung là Cao Minh T2 và

Cao Minh V hiện hai cháu đang ở với bố và chị T đã về nhà mẹ đẻ ở, không ai quan tâm đến ai nữa.

Quá trình giải quyết vụ án ngày 04/11/2025 và ngày 12/11/2025 Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 17/10/2025 và ngày 05/11/2025, tuy nhiên, anh Cao Văn T1 vắng mặt không có lý do, chị Lê Thị T vắng mặt có lý do và có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải. Vì vậy, căn cứ vào khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự (viết tắt: B), TAND khu vực 6- Thanh Hoá tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Lê Thị T có mặt, anh Cao Văn T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) tiến hành xét xử vắng mặt anh Cao Văn T1.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án.Việc chấp hành pháp luật của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật.

* Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T

- Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Cao Văn T1

- Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là cháu Cao Minh T2 (nam) sinh ngày 06/11/2014 cho chị T nuôi dưỡng, giao cháu Cao Minh V (nam) sinh ngày 07/10/2020 cho anh T1 nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết nên đề nghị miễn xét.

* Về án phí: Đề nghị buộc chị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào ý kiến của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật: Chị Lê Thị T khởi kiện yêu cầu TAND khu vực 6- Thanh Hoá giải quyết cho chị được ly hôn với anh Cao Văn T1. Đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"; Bị đơn cư trú tại phường B, tỉnh Than Hóa, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 6- Thanh Hoá theo quy định tại quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 BLTTDS;

[2] **Về yêu cầu của đương sự HĐXX thấy:**

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Cao Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa (nay là phường B, tỉnh Thanh Hóa) đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị T vì vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Tại phiên toà chị T cho rằng anh T1 có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và thường xuyên đánh đập chị. Chị cũng đã từng báo cáo cơ quan công an đến làm việc yêu cầu anh T1 không được đánh chị nữa. Vì mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở cùng tổ dân phố L ở. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2024 đến nay không ai quan tâm đến ai. Bởi vợ chồng đã ly thân một thời gian dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Cao Văn T1. Anh T1 cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng cãi nhau tuy nhiên anh không đồng ý ly hôn.

HĐXX thấy, kể từ ngày Toà án thụ lý (07/10/2025) đến nay đã hơn 2 tháng, nhưng anh T1, chị T mặc dù ở cùng tổ dân phố L với nhau, nhưng hai bên không chủ động gặp gỡ trao đổi, xem xét lại tình cảm vợ chồng, không nói chuyện với nhau, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên chấp nhận cho chị T ly hôn anh T1 là phù hợp.

[2.2] Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung: Cao Minh T2 (nam) sinh ngày 06/11/2014 và Cao Minh V (nam) sinh ngày 07/10/2020. Nguyện vọng của chị T xin được nuôi dưỡng cháu T2, còn giao cháu V cho anh T1 nuôi dưỡng. Anh T1 trình bày xin được nuôi con. Theo nguyện vọng của cháu T2 cháu xin ở với ông bà nội vì cháu ở với ông bà từ bé nên cháu thích ở với ông bà.

HĐXX thấy: Mặc dù cháu T2 có nguyện vọng ở với ông bà nội. Tuy nhiên, pháp luật không quy định giao con cho ông bà nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà chị T trình bày lý do chị muốn nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu T2 vì hiện nay cháu T2 đang học lớp 6, cháu đang tuổi dậy, thường xuyên nổi loại vô cớ, nên cần có bàn tay chăm sóc của mẹ để bảo ban cháu, dạy dỗ cháu nên người. Như vậy, nguyện vọng của chị T cũng phù hợp nên giao cháu Cao Minh T2 cho chị T nuôi dưỡng và giao cháu Cao Minh V cho anh T1 nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung của vợ chồng: Anh chị không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* *Căn cứ*: Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273, 277 và Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 / Luật hôn nhân gia đình;

- Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và tiểu mục 1.1 phần 1 mục II danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

* *Tuyên xử:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T

- Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Cao Văn T1.

- Về con cái: Giao cháu Cao Minh T2 (giới tính: nam) sinh ngày 06/11/2014 cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Cao Minh V (giới tính: nam) sinh ngày 07/10/2020 cho anh Cao Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục các cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị T đã nộp tại Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 6- Thanh Hoá ngày 07/10/2025 theo biên lai thu số: 0001109. Như vậy, chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Lê Thị T vắng mặt anh Cao Văn T1.

Chị Lê Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/12/2025), anh Cao Văn T1 vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Toà án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
THẨM
- *VKSND khu vực 6;*

TÒA
- *Đương sự;*
- *THADS tỉnh Thanh Hoá;*
- *Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;*
- *UBND phường Bỉm Sơn (20/6/2013);*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TỐNG THỊ HÀ